

Bản án số: **380/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: **19/7/2023**.

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiếu.
2. Ông Đặng Hoàng Nhã.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phan Duy Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Minh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 7 và ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2023/TLST-HNGĐ ngày 8 tháng 5 năm 2023 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4638/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5006/2023/QĐHPTST- HNGĐ ngày 13/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Phước T, sinh năm: 1980- (có mặt).

Địa chỉ: A đường NT, phường NCT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền tiến hành các thủ tục liên quan đến vụ án ly hôn ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1996. Địa chỉ: Số N đường số T, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy uỷ quyền có số công chứng 000078XX, quyền số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/4/2023;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Thái H và Nguyễn N, là luật sư Công ty Luật TNHH Nguyễn Đ. Luật sư H – vắng mặt, luật sư N có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm: 1983- (vắng mặt);

Địa chỉ: A đường NT, phường NCT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 27/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn là ông Phan Phước T trình bày:

Ông và Trần Thị Kim C tự nguyện sống chung và đăng kết hôn vào năm 2001 theo Giấy chứng nhận kết hôn số XX/2001, quyền số 01. Do Ủy ban Nhân dân thị trấn ĐT, huyện ĐL, tỉnh BT cấp ngày 8/10/2001.

Sau khi kết hôn, hai ông bà sống chung cùng gia đình ông T, thời gian đầu sống chung bình thường, nhưng sau đó thì liên tục phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là mâu thuẫn giữa bà C và gia đình chồng và giữa hai vợ chồng. Mặc dù, ông đã nhiều lần khuyên giải nhưng vẫn không có kết quả. Từ đó, tình trạng bất đồng giữa vợ chồng phát sinh ngày càng nhiều hơn, thậm chí nhiều lần vợ chồng lớn tiếng cãi vã trước mặt các con. Do mâu thuẫn phát sinh liên tục trong khoảng thời gian dài, mà không thể giải quyết được nên ông và bà C đã ly thân khoảng hơn hai năm nay. Sau khi ly thân, ông bà vẫn muốn hoà giải hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng chăm sóc các con nhưng vẫn không có kết quả, không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy, cuộc sống chung thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn với bà C.

Về con chung: Quá trình sống chung, ông T và bà C có 02 con chung là trẻ Phan Thị Thảo Q, sinh ngày XX/10/2002 (giới tính nữ, đã trưởng thành) và trẻ Phan Phước Trung T, sinh ngày XX/11/2013 (giới tính Nam). Sau khi ly hôn ông T xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên. ông T không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: ông T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân Quận 1 đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo việc giao nộp chứng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên kiểm tra việc công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Toà... Bị đơn bà Trần Thị Kim C vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến. bà C cũng không có yêu cầu phản tố.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn là luật sư Nguyễn N trình bày:

Quá trình sống chung của ông T và bà C không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Thời gian ly thân đã lâu. Mặc dù, ông bà đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. bà C, dù biết ông T nộp đơn xin ly hôn và nhận được các văn bản tố tụng của Toà án nhưng vẫn không có mặt theo lịch triệu tập của Toà án để trình bày ý kiến, cũng không có yêu cầu phản tố, điều này chứng tỏ bà C cũng không còn tha thiết cuộc hôn nhân này, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng Bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt Bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Từ những tài liệu chứng cứ thu thập được và ý kiến trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn. Về con chung đề nghị giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chưa thành niên. Ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung ông T khai không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số giấy chứng nhận kết hôn số XX/2001, quyền số 01. Do Ủy ban Nhân dân thị trấn ĐT, huyện DL, tỉnh BT cấp ngày 8/10/2001 thì ông Phan Phước T và bà Trần Thị Kim C có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. ông T có đơn xin ly hôn với bà C. bà C có hộ khẩu tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1 theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[1.2]. *Về tố tụng*: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân Quận 1 đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo việc giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Toà... Bị đơn bà Trần Thị Kim C vắng mặt không lý do. Đồng thời, tại phiên toà vắng mặt người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn là luật sư Nguyễn Thái H, có mặt luật sư Nguyễn N. Nguyên đơn, đồng ý và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt Luật sư H. Đại diện Viện kiểm sát nhân Quận 1 tham gia phiên toà có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xử vắng mặt Luật sư H và vắng mặt Bị đơn theo qui định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn là Luật sư H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Xét, ông T trình bày trong thời gian chung sống với nhau, vợ chồng bà có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống chung và do bà C thiếu quan tâm, chăm sóc chồng con và thường xuyên dẫn đến cuộc sống chung thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Hai bên đã nhiều lần hòa giải không thành, không có khả năng hàn gắn, nay ông xác định tình cảm vợ chồng đã hết, ông xin ly hôn với bà C.

[2.2]. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân Quận 1 đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo việc giao nộp chứng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Toà... Bị đơn bà Trần Thị Kim C không có ý kiến, không có yêu cầu phản tố như nhận định tại mục [1.2] phần [1] nêu trên và đề nghị Toà án chấp nhận ly hôn của ông T;

[2.3]. Tòa án có tiền hành xác minh tình **trạng hôn nhân của ông T và bà C** tại địa phương là Ủy ban nhân dân phường NCT, Quận 1 với kết quả: “đương sự Phan Phước T và đương sự Trần Thị Kim C có hộ khẩu thường trú tại A đường NT, phường NCT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian cư trú tại địa phương chưa ghi nhận vụ việc liên quan đến an trật tự”.

[2.4] Nguyên đơn ông T cho rằng bà C thiếu tôn trọng gia đình chồng, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, kéo dài nhiều năm mà không thể khắc phục được. Quá trình sống chung bà C cũng thiếu quan tâm chăm sóc chồng con. Từ đó, ông bà bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, có nhiều lần ông bà cự cãi trước mặt con. Từ đó, ông bà đã ly thân hơn hai năm nay. Quá trình ly thân, ông bà cũng đã nhiều lần hoà giải nhưng vẫn không có kết quả. Nay ông T xác định không còn

tình cảm vợ bà C nữa và xin ly hôn. Vì: Cuộc sống chung mâu thuẫn trầm trọng, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”*. ông T xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, bà C dù biết được ông T nộp đơn xin ly hôn nhưng vẫn không đến Toà để giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến. Điều đó, cho thấy bà C cũng không còn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn tha thiết với quan hệ hôn nhân này nữa. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là có cơ sở và phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56; 57, 58 và các Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 và khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông T và bà C có 02 con chung là trẻ Phan Thị Thảo Q, sinh ngày XX/10/2002 (giới tính nữ, đã trưởng thành) và trẻ Phan Phước Trung T, sinh ngày XX/11/2013 (giới tính: Nam). Sau khi ly hôn ông T xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên. ông T không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời, Toà án có ghi ý kiến của trẻ T là có nguyện vọng được sống chung với ông T. Xét, việc giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử có căn cứ giao hai con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà C là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù ông bà đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 và ý kiến trình bày của Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do ông Phan Phước T nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, 57, 58 và các Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 và khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là ông Phan Phước T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Phước T được ly hôn với bà Trần Thị Kim C.

Giấy chứng nhận kết hôn số XX/2001, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn ĐT, huyện DL, tỉnh BT cấp ngày 8/10/2001 cấp cho ông Phan Phước T, bà Trần Thị Kim C sẽ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Phan Phước T và bà Trần Thị Kim C có 02 con chung là Phan Thị Thảo N (giới tính: Nữ, sinh ngày XX/10/2002 – đã trưởng thành) và Phan Phước Trung T, (giới tính : Nam- sinh ngày XX/11/2013). Sau ly hôn, giao con chung chưa trưởng thành là trẻ Phan Phước Trung T, (giới tính : Nam- sinh ngày XX/11/2013) cho ông Phan Phước T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Bà Trần Thị Kim C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. bà C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do ông Phan Phước T nộp được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/00434XX ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M. Ông Chung đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Ông Phan Phước T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Kim C được kháng cáo trong thời hạn 15 (mười ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục THADS Quận M;
- Ủy ban nhân thị trấn DT, huyện DL, tỉnh BT ;
- Lưu: hồ sơ vụ án (TK.Thịnh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hoàng Vương

